

Bản án số: 58/2024/DS-ST

Ngày: 20 - 8 - 2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng mượn tài sản
(vàng và tiền)”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiếu;

Ông Lê Hoàng Điệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản (vàng và tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N; Cư trú tại: Ấp 6, xã Ba T, huyện Kế S, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị B; Cư trú tại: Số 1, Đường Cao T, Khóm 4, Phường 8, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng E; Cư trú tại: Ấp N, Thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2023 của nguyên đơn bà Lê Thị N và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị B trình bày:

Vào ngày 10/5/2012 bà N có cho ông Nguyễn Hoàng E mượn 15 chỉ vàng 24K và số tiền là 64.000.000 đồng, ông E có ghi giấy nhận nợ. Ông E hẹn khi bán đất được thì sẽ trả tiền và vàng cho bà N là khoảng 02 tháng sau là ngày 10/7/2012, từ khi mượn đến nay ông E chưa trả tiền và vàng cho bà N, ông E hứa hẹn nhiều lần nhưng không chịu trả.

Bà Lê Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết. Buộc ông Nguyễn Hoàng E phải có trách nhiệm trả lại cho bà N số tiền mượn là 64.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24K, tạm tính 15 chỉ vàng 24K x 7.270.000 đồng/chỉ = 109.050.000 đồng. Tổng cộng 173.050.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng E: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 (hai) lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng E đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông Nguyễn Hoàng E chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng E mượn vàng và tiền của nguyên đơn bà Lê Thị N, bà Năm cung cấp Giấy nhận nợ lập ngày 10/5/2012, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn biết nhưng bị đơn không có ý kiến gì việc bị đơn mượn vàng và tiền của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N. Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng E có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24K được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm và số tiền 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án triệu tập hợp lệ người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị B.

- Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Hoàng E đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hoàng E.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vàng và tiền mượn. Trong quá trình mượn vàng và tiền bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả vàng và tiền mượn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mượn tài sản (vàng và tiền).

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mượn tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú ấp N, Thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Bị đơn mượn vàng và tiền của nguyên đơn, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án Giấy nhận nợ lập ngày 10/5/2012 trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn mượn vàng và tiền của nguyên đơn, bị đơn biết nhưng bị đơn không có ý kiến gì việc bị đơn mượn vàng và tiền của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy. Bị đơn mượn vàng và tiền của nguyên đơn có làm Giấy nhận nợ lập ngày 10/5/2012, từ khi mượn đến nay bị đơn chưa trả vàng và tiền cho nguyên đơn, cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán vàng và tiền mượn. Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án có thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn mượn 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24K và số tiền 64.000.000 đồng, nhưng bị đơn không có ý kiến gì việc bị đơn mượn vàng và tiền của nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 512 Bộ luật dân sự 2005 quy định “*Hợp đồng mượn tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho mượn giao tài sản cho bên mượn để sử dụng trong một thời hạn mà không phải trả tiền, còn bên mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn hoặc mục đích mượn đã đạt được*”. Cho nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi lại vàng và tiền mượn là đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số: 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng. Hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng, sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán. Do đó, bị đơn ông E mượn 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24K được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử vụ án là 7.650.000 đồng/01 chỉ vàng 24K (Bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Từ những phân tích trên đủ cơ sở buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên

đơn 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24K và số tiền là: 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí (15 chỉ vàng 24K x 7.650.000 đồng/chỉ = 114.750.000 đồng + 64.000.000 đồng = 178.750.000 đồng) x 5% = 8.937.500 đồng (Tám triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 512 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 19 Nghị định số: 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N. Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng E có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Lê Thị N 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24K. Quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử vụ án là: 7.650.000 đồng/01 chỉ vàng 24K (Bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền là: 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.937.500 đồng (Tám triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh